

tính chất lao động phức tạp hay giản đơn, thời gian và cường độ lao động nhiều hay ít mà được hưởng phụ cấp mỗi buổi biểu diễn từ 0.60đ đến 1.20đ cho mỗi người.

**Điều 3.** — Diễn viên, công nhân, cán bộ trong đoàn nghệ thuật đi biểu diễn lưu động được hưởng thêm mỗi buổi biểu diễn 30% mức phụ cấp biểu diễn nói ở điều 2.

Trong những ngày không biểu diễn, nhưng cần thiết phải ở lại nơi biểu diễn, thì được hưởng phụ cấp lưu trú.

**Điều 4.** — Nữ diễn viên có con nhỏ mà không có điều kiện gửi được con ở nhà trẻ của cơ quan, xí nghiệp, đường phố thì được hưởng trợ cấp như sau :

a) Nếu con nhỏ dưới 36 tháng, nữ diễn viên được hưởng khoản trợ cấp hàng tháng là 7đ ;

b) Nếu con nhỏ dưới 10 tháng, thì ngoài khoản trợ cấp 7đ nói trên, còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp hàng tháng là 10đ.

**Điều 5.** — Những diễn viên không thể tiếp tục làm công tác biểu diễn thì trước hết được sử dụng vào những công việc phù hợp với khả năng cũ và được giữ nguyên lương.

Trong trường hợp diễn viên phải chuyển nghề thì cơ quan sử dụng phải tổ chức cho diễn viên học nghề. Kể từ ngày chính thức chuyển sang nghề khác, diễn viên được hưởng nguyên lương trong thời hạn là 24 tháng, sau đó sẽ xếp lương theo nghề mới.

**Điều 6.** — Chế độ đãi ngộ này được áp dụng đối với diễn viên các đoàn nghệ thuật ở trung ương.

Đối với diễn viên các đoàn nghệ thuật ở địa phương, Bộ Văn hóa có trách nhiệm căn cứ vào chế độ đãi ngộ này để hướng dẫn các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vận dụng cho thích hợp.

**Điều 7.** — Diễn viên điện ảnh được hưởng chế độ đãi ngộ nói trong các điều 1, 4, 5 như diễn viên các đoàn nghệ thuật sân khấu.

Về các khoản phụ cấp khác, quy định như sau :

a) Trong thời gian công tác ở đoàn kịch điện ảnh, diễn viên điện ảnh và các công nhân, cán bộ của đoàn đi biểu diễn, được hưởng các khoản phụ cấp nói trong điều 2 và điều 3.

b) Trong thời gian đóng phim, diễn viên, công nhân, cán bộ của đoàn làm phim được hưởng

những khoản phụ cấp thích hợp với hoạt động của ngành điện ảnh. Bộ Văn hóa, Bộ Tài chính, Bộ Lao động có trách nhiệm căn cứ vào quyết định này và đặc điểm hoạt động của ngành điện ảnh để quy định cụ thể những khoản phụ cấp đó.

**Điều 8.** — Các ngành có sử dụng diễn viên nghệ thuật nhưng không có doanh thu hoặc có nhưng rất hạn chế (như Bộ Quốc phòng, Đài Tiếng nói Việt Nam v.v...) cần bàn bạc với Bộ Văn hóa, Bộ Tài chính, Bộ Lao động để quy định cụ thể cách vận dụng quyết định này cho thích hợp.

**Điều 9.** — Các ngành nội thương, lương thực và thực phẩm có trách nhiệm bảo đảm cung cấp đủ lương thực và các loại thực phẩm cho các diễn viên theo chế độ quy định trên đây.

**Điều 10.** — Bộ Văn hóa và các ngành có sử dụng diễn viên có trách nhiệm quy định hợp lý chế độ công tác, chế độ sinh hoạt, chế độ bổ túc nghề nghiệp và hướng dẫn diễn viên tổ chức tốt đời sống.

**Điều 11.** — Quyết định này thay thế cho quyết định số 209-TTg/TN ngày 6-12-1966 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đãi ngộ đối với diễn viên văn công.

**Điều 12.** — Các đồng chí Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Bộ Tài chính, Bộ Lao động có trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 1977

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

GIÁO DỤC - TÀI CHÍNH - NÔNG NGHIỆP

**TUÔNG TƯ** liên bộ số 9-TT/LB ngày 21-5-1977 hướng dẫn thi hành quyết định số 152-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung chế độ, chính sách đối với giáo viên mẫu giáo.

Tại quyết định số 152-TTg ngày 8-4-1976, Thủ tướng Chính phủ đã quy định các giáo viên mẫu giáo dạy học ở các cơ quan, xí nghiệp, công



trường, nông trường, lâm trường, thành phố, thị xã có đủ tiêu chuẩn, được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước và được hưởng theo thang lương và mọi quyền lợi khác như giáo viên phổ thông cấp I. Những giáo viên mẫu giáo trong khi chưa đủ tiêu chuẩn, thì được hưởng thù lao hàng tháng bằng 85% bậc lương khởi điểm của giáo viên phổ thông cấp I và mọi quyền lợi khác như giáo viên phổ thông cấp I.

Các giáo viên mẫu giáo dạy học ở nông thôn và thị trấn được hưởng các chế độ, chính sách đã quy định trong thông tư số 183-TTg ngày 25-10-1967 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngành giáo dục có nhiệm vụ quản lý toàn diện về công tác cán bộ, về biên chế, về quỹ tiền lương... của giáo viên mẫu giáo ở các địa bàn trên; đồng thời phối hợp với xã, hợp tác xã quản lý các giáo viên mẫu giáo ở nông thôn, thị trấn.

Đề thi hành quyết định và thông tư trên đây, sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Lao động (tại công văn số 339-LĐ/LHCSN ngày 30-3-1977); của Tổng công đoàn Việt Nam (tại công văn số 19-ĐSTL/TCĐ ngày 6-1-1977) và sự nhất trí của Ban tổ chức của Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; liên bộ Giáo dục - Tài chính - Nông nghiệp ra thông tư hướng dẫn thực hiện như sau.

## I. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐƯỢC TUYỂN DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG CHƯA ĐƯỢC TUYỂN DỤNG VÀO BIÊN CHẾ NHÀ NƯỚC

A. Giáo viên mẫu giáo được xét tuyển vào biên chế Nhà nước để giảng dạy tại các trường lớp mẫu giáo ở thành phố, thị xã bao gồm cả các lớp mẫu giáo của các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị kinh doanh sản xuất đóng tại thành phố, thị xã hoặc lớp đã được ngành giáo dục đồng ý cho mở, phải có các tiêu chuẩn sau đây (căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ tuyển dụng và cho thôi việc ban hành theo nghị định số 24-CP ngày 13-3-1963 của Hội đồng Chính phủ và quy định cụ thể của Bộ Giáo dục):

1. Có quyền công dân, lý lịch rõ ràng, tự nguyện phục vụ;

2. Đã tốt nghiệp các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mẫu giáo có trình độ trung học, cao đẳng, đại học (từ 7 + 3, hoặc 9 + 2 trở lên);

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, được tin nhiệm với phụ huynh học sinh;

4. Bảo đảm giảng dạy đạt yêu cầu về nội dung chương trình và các môn học;

5. Có đủ sức khỏe, không có bệnh lây truyền, dị dạng.

B. Riêng đối với những giáo viên đã có mặt giảng dạy ở các trường lớp mẫu giáo dân lập ở các thành phố, thị xã (bao gồm cả các lớp mẫu giáo ở cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị kinh doanh sản xuất đóng tại thành phố, thị xã; các trường lớp này đã đăng ký và được các Sở, Ty, phòng giáo dục công nhận) kể từ ngày 7 tháng 4 năm 1976 trở về trước, thì việc xét tuyển vào biên chế Nhà nước được giải quyết như sau:

— Đã bảo đảm các tiêu chuẩn ở các điều 1, 3, 4, 5 ở trên;

— Về văn hóa nghiệp vụ (tiêu chuẩn 2): phải tốt nghiệp sư phạm mẫu giáo 7 + 1 trở lên, hoặc phải tốt nghiệp lớp 7 (phổ thông hay bổ túc văn hóa), đã dạy học được 5 năm trở lên và trong 5 năm này ít nhất đã qua ba lần bồi dưỡng hệ về chuyên môn nghiệp vụ.

Khi xét tuyển được châm chước:

— Có trình độ văn hóa lớp 5 đối với giáo viên dạy ở vùng công giáo, giáo viên lâu năm có nhiều cống hiến cho ngành học, giáo viên dạy giỏi (được tỉnh, thành phố công nhận) hoặc chiến sĩ thi đua;

— Có trình độ văn hóa lớp 4 đối với giáo viên là người dân tộc ít người (vùng núi).

C. Những giáo viên mẫu giáo đã đủ các tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5 nói trên, nhưng chưa đủ tiêu chuẩn 2 (về văn hóa và nghiệp vụ) thì các Sở, Ty, phòng giáo dục cần có kế hoạch tích cực bồi dưỡng cho đạt tiêu chuẩn, để sau một thời gian ngắn nhất có thể được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước.



## II. CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẪU GIÁO

**A. Những giáo viên mẫu giáo ở 7 địa bàn** (cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, thành phố, thị xã).

**1. Những giáo viên mẫu giáo có đủ tiêu chuẩn** (tại điểm B, phần I) được xét tuyển dụng vào biên chế Nhà nước, được hưởng lương như sau :

a) Nếu tốt nghiệp sơ cấp hệ 7 + 1, 4 + 3 (miền núi cao)... được hưởng lương theo thang lương giáo viên cấp I toàn cấp, xếp mức lương khởi điểm 40đ. Nếu tốt nghiệp sơ cấp hệ 7 + 2 (đã được công nhận là trung cấp), 7 + 3, 10 + 1 được hưởng lương theo thang lương giáo viên cấp I có trình độ trung học, xếp 45đ.

b) Sau khi được xét, xếp vào bậc khởi điểm, nếu thấy thấp hơn sinh hoạt phí cũ, thì cân nhắc kỹ 5 tiêu chuẩn, thâm niên công tác từ 6 năm trở lên, xét kết quả giảng dạy từ trung bình trở lên để xếp lên bậc trên liền kề (40đ lên 47đ ; 45đ lên 50đ...) khi xếp lên bậc trên chú ý xét tương quan với giáo viên cấp I nâng bậc lương năm 1976.

c) Ngoài tiền lương, các giáo viên mẫu giáo đã được tuyển dụng chính thức vào biên chế còn được hưởng mọi quyền lợi khác như giáo viên phổ thông cấp I trong biên chế Nhà nước.

**2. Những giáo viên mẫu giáo chưa đủ tiêu chuẩn 2** về văn hóa nghiệp vụ để xét tuyển dụng (gồm những người đã giảng dạy ở các trường, lớp mẫu giáo kể từ ngày 7 tháng 4 năm 1976 trở về trước và dạy liên tục cho tới nay) :

a) Được hưởng thù lao hàng tháng bằng 85% bậc lương khởi điểm của giáo viên phổ thông cấp I toàn cấp ;

b) Được cấp tem, phiếu đề mua theo giá cung cấp đường, thực phẩm, vải, sớ mua lương thực như giáo viên phổ thông cấp I trong biên chế Nhà nước ;

c) Được hưởng một số chế độ về bảo hiểm xã hội như trợ cấp ốm đau, trợ cấp thai sản, trợ cấp tai nạn lao động ; chế độ trợ cấp đồng con, trợ cấp khó khăn, trợ cấp gửi con vào nhà

trẻ, trợ cấp nhà ăn tập thể (nếu ăn tại nhà ăn tập thể) như giáo viên phổ thông cấp I trong biên chế Nhà nước ;

d) Được hưởng các khoản chi phí về đào tạo bồi dưỡng, sinh hoạt phí khi đi học dài hạn, phụ cấp dạy thêm giờ, chi phí về tài liệu, sách giáo khoa, báo chí nghiệp vụ ; được nghỉ các ngày lễ, ngày tết, nghỉ hè có lương, được làm nghĩa vụ lao động như giáo viên phổ thông cấp I trong biên chế Nhà nước ;

e) Thù lao và các khoản chi trên đây đối với giáo viên mẫu giáo chưa vào biên chế Nhà nước do quỹ học phí của cha mẹ học sinh đóng góp đài thọ ; nếu thiếu thì ngân sách tỉnh, thành phố và thị xã xét trợ cấp.

**3. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và một số trợ cấp.**

a) Thời gian làm giáo viên mẫu giáo được tính là thời gian công tác liên tục để làm căn cứ thi hành các chế độ bảo hiểm xã hội và một số trợ cấp khác.

b) Để thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và phúc lợi tập thể cho giáo viên mẫu giáo đã tuyển dụng vào biên chế Nhà nước, và những giáo viên mẫu giáo chưa được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước ; các cơ quan giáo dục nơi quản lý biên chế, quỹ tiền lương của giáo viên mẫu giáo phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội khoản tiền bằng 3,7% quỹ lương thực chi (phần do Tổng công đoàn quản lý) ; và quỹ hưu trí, mất sức, tuất, khoản tiền bằng 1% quỹ lương thực chi (phần do Bộ Thương binh và xã hội quản lý) để các ngành chức năng quản lý thống nhất.

c) Những trường, lớp mẫu giáo có nội trú (học sinh ăn, ngủ trưa tại lớp) thì những cô giáo nhận thêm việc quản lý học sinh được phụ cấp 5% lương chính, không kể phụ cấp khu vực (theo quyết định số 273-QĐ ngày 11-7-1960 của Bộ Giáo dục) ; nơi nào đã hưởng phụ cấp phần trăm nội trú (như các trường nội trú vùng cao) thì không được hưởng phụ cấp này.

d) Giáo viên mẫu giáo ở cơ quan, xí nghiệp... trước đây là công nhân, viên chức trong biên chế được chuyển sang dạy mẫu giáo :

— Ngày nay nếu đủ 5 tiêu chuẩn trên thì được chuyển hẳn sang làm giáo viên mẫu giáo,



được hưởng bậc lương giáo viên phổ thông cấp I, nếu bậc lương cũ cao hơn bậc lương mới thì được bảo lưu.

— Nếu chưa đủ tiêu chuẩn 2 (văn hóa nghiệp vụ) thì cần được bồi dưỡng để sẽ xét chính thức làm giáo viên mẫu giáo, tiền lương và các chế độ được hưởng như hiện hành.

— Nếu không đủ các tiêu chuẩn tuyển dụng làm giáo viên mẫu giáo, thì cơ quan, xí nghiệp... chuyển trở lại vị trí công tác cũ của công nhân, viên chức (công việc đã làm trước khi sang dạy mẫu giáo).

## B. Những giáo viên mẫu giáo ở nông thôn, thị trấn.

### 1. Trả thù lao.

a) Đối với giáo viên mẫu giáo ở nông thôn, thị trấn, nơi có điều kiện trả thù lao bằng tiền: Tùy theo kết quả giảng dạy trung bình hay giảng dạy khá, tốt (có nhiều kinh nghiệm giảng dạy hay đã tốt nghiệp ở các trường lớp đào tạo sư phạm 7 + 3 trở lên) của mỗi giáo viên mà được hưởng thù lao hàng tháng từ 34đ đến 40đ.

b) Đối với giáo viên mẫu giáo ở nông thôn, thị trấn, nơi có điều kiện trả thù lao bằng công diêm:

— Với cô giáo giảng dạy kết quả trung bình thì mỗi ngày công lao động của cô giáo được trả bằng số diêm ngày công của một xã viên lao động trung bình ở hợp tác xã.

— Với cô giáo giảng dạy kết quả khá, tốt (có nhiều kinh nghiệm giảng dạy hay đã tốt nghiệp ở các trường, lớp đào tạo sư phạm 7 + 3 trở lên) thì mỗi ngày công lao động của cô giáo được trả bằng số diêm ngày công của một xã viên lao động khá ở hợp tác xã.

Việc xem xét đánh giá kết quả giảng dạy của cô giáo để phân loại trả thù lao nói trên là do hội đồng giáo viên trường mẫu giáo đề nghị, Ủy ban nhân dân xã (hoặc thị trấn) xét duyệt và báo cáo lên phòng giáo dục huyện quyết định.

### 2. Các quyền lợi khác.

— Được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng: nếu là lớp ngắn hạn từ ba tháng trở xuống, vẫn được hưởng tiền thù lao bằng tiền hay bằng công diêm như khi đang giảng dạy; được hưởng tiền tàu xe và tiền ăn đường lượt đi và lượt về

do ngân sách xã đài thọ. Riêng giáo viên mẫu giáo hưởng thù lao bằng công diêm còn được cơ quan mở lớp đào tạo hay bồi dưỡng ngắn hạn đài thọ tiền ăn trong thời gian học tập.

— Khi ốm đau: được khám và chữa bệnh như chế độ khám và chữa bệnh đối với cán bộ bán chuyên trách của xã.

— Được cấp phiếu vãi, phiếu đường... theo chế độ hiện đang hưởng.

— Được nghỉ các ngày lễ, ngày tết và nghỉ hè có thù lao theo quy chế ngành học mẫu giáo.

— Được làm nghĩa vụ lao động theo chế độ như đối với giáo viên mẫu giáo trong biên chế Nhà nước.

Ngoài ra, mỗi lớp mẫu giáo được cấp một tháng 2 đồng đề chi mua học phẩm (sổ gọi tên, giấy soạn bài, mực, phấn viết bảng...). Mỗi xã (hoặc thị trấn) được cấp hàng tháng một định suất phụ cấp hiệu trưởng là 5đ và một định suất phụ cấp hiệu phó là 3đ cho giáo viên mẫu giáo giữ các chức vụ trên.

### 3. Ăn chia lương thực.

— Giáo viên mẫu giáo nông thôn hưởng thù lao bằng công diêm là xã viên của hợp tác xã cử ra, và được phòng giáo dục huyện công nhận nên cũng được hưởng các quyền lợi ăn chia như một xã viên hợp tác xã. Công diêm của cô giáo được tham gia phân phối chung trong hợp tác xã. Khi cần đổi lương thực mức ăn của cô giáo được xếp như một xã viên lao động trung bình hoặc lao động khá của hợp tác xã (theo thù lao được hưởng) và gia đình, nếu thiếu lương thực cũng được xét bán điều hòa như gia đình xã viên khác; nếu thiếu lương thực do thiếu sức lao động thì sẽ được bán đủ theo tiêu chuẩn chung của hợp tác xã.

Ngoài quyền lợi ăn chia nói trên, giáo viên mẫu giáo còn được hưởng các quyền lợi khác của một xã viên hợp tác xã như khi sinh đẻ được nghỉ 2 tháng và được hưởng trợ cấp sinh đẻ; được trợ cấp bảo hộ lao động, v.v..

— Giáo viên mẫu giáo ở thị trấn, ở nông thôn, nếu hưởng thù lao bằng tiền (34đ đến 40đ) nếu là xã viên hợp tác xã cũng được bán lương thực và hưởng các quyền lợi như các xã viên khác.

1664660  
 Tel: +84 8 3845 6684 \* www.TuuVienHapLuat.com



### C. Chế độ thu, chi và quản lý quy trường, lớp mẫu giáo.

#### 1. Mức thu học phí ở các trường lớp mẫu giáo.

a) Ở thành phố, thị xã (bao gồm cả ở các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường đóng tại thành phố, thị xã, thị trấn và nông thôn): học sinh học 2 buổi trong một ngày. Nếu lớp không có nội trú, mỗi học sinh nộp một tháng từ 1,50đ đến 2đ; Nếu lớp có nội trú, mỗi học sinh nộp một tháng từ 2,50đ đến 3đ.

b) Ở thị trấn, nông thôn (nơi trả thù lao cho giáo viên bằng tiền): học sinh học 2 buổi trong một ngày. Mỗi học sinh nộp một tháng từ 1đ đến 1,20đ (không có nội trú).

c) Ở thị trấn, nông thôn (nơi trả thù lao cho giáo viên bằng công diêm): học sinh học 2 buổi trong một ngày. Học sinh không phải đóng góp mà do quỹ công ích của hợp tác xã chi.

#### 2. Miễn giảm học phí.

Học sinh ở thành phố, thị xã (bao gồm học sinh của những cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường) và học sinh ở thị trấn, nông thôn (nơi trả thù lao cho giáo viên bằng tiền): nếu là con liệt sĩ được miễn hẳn học phí; nếu là con thương binh trong diện được trợ cấp khó khăn thường xuyên thì cũng được miễn nộp học phí.

#### 3. Quản lý quỹ học phí.

a) Ở các thành phố, thị xã (bao gồm cả ở các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường đóng tại thành phố, thị xã, thị trấn và nông thôn) và ở các thị trấn, nông thôn (nơi thu học phí bằng tiền): phòng giáo dục cùng với phòng tài chính và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giao trách nhiệm thu học phí cho ban phụ huynh học sinh và hiệu trưởng trường mẫu giáo thu đầy đủ, đúng chính sách theo từng tháng để chi trả thù lao, phụ cấp, trợ cấp cho giáo viên và các khoản chi khác quy định ở trên của trường lớp mẫu giáo.

Nếu nhà trường hàng tháng đã thu đủ, đúng chính sách và đã chi đúng chế độ tiêu chuẩn quy định rồi mà còn thiếu, thì ngân sách xã sẽ xét trợ cấp đầy đủ kịp thời hàng tháng phần chênh lệch còn thiếu.

b) Ở thị trấn, nông thôn (nơi trả thù lao cho giáo viên bằng công diêm): các khoản chi về trả thù lao (bằng công diêm) cho giáo viên và một số chi phí khác của trường lớp mẫu giáo theo quy định trên đây được trích ở quỹ công ích của hợp tác xã để chi.

Nếu bị mất mùa, mà quỹ công ích của hợp tác xã không còn khả năng để chi thì ngân sách xã sẽ xét đề trợ cấp, kể cả trường hợp trợ cấp khó khăn đột xuất cho cô giáo.

Hai khoản chi sau đây hoàn toàn do ngân sách xã trợ cấp (nếu ngân sách xã thiếu sẽ do ngân sách tỉnh, thành phố trợ cấp):

- Tiền chi mua học phẩm cho lớp mẫu giáo
- Tiền chi phụ cấp cho các định xuất hiệu trưởng và hiệu phó cho trường mẫu giáo.

### III. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

A. Căn cứ vào tiêu chuẩn quy định trên đây các Sở, Ty giáo dục cần có kế hoạch phân loại số giáo viên mẫu giáo hiện có mặt giảng dạy từ ngày 7 tháng 4 năm 1976 trở về trước ở các thành phố, thị xã... để thực hiện việc tuyển dụng chính thức và thi hành các chế độ, chính sách.

1. Những giáo viên mẫu giáo có đủ tiêu chuẩn quy định trên do các cơ quan giáo dục xét và đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định tuyển dụng chính thức theo chi tiêu biên chế vào quỹ tiền lương đã được duyệt chính thức của ngành giáo dục.

2. Đối với những giáo viên chưa đủ tiêu chuẩn xét tuyển vào biên chế chính thức còn đang hưởng 85% bậc lương khởi diêm của giáo viên phổ thông cấp I, các Sở, Ty giáo dục cần tích cực tạo mọi điều kiện để bồi dưỡng cho chị em được học tập bằng nhiều hình thức để sớm đạt tiêu chuẩn, cụ thể là nếu còn đủ điều kiện, dù sức vươn lên, tuy trình độ văn hóa mới có lớp 6 (đối với miền xuôi), lớp 3 (đối với miền núi, hải đảo), nhưng có sức khỏe tốt, có lý lịch rõ ràng, có tinh thần thái độ phục vụ đúng, yêu nghề, mến trẻ, phẩm chất đạo đức tốt thì cơ quan giáo dục tích cực bồi dưỡng thêm. Sau thời gian bồi dưỡng nhiều nhất là 5 năm, nếu không đạt tiêu chuẩn quy định trên thì kiên quyết cho thôi việc.



Bộ Giáo dục sẽ hướng dẫn các cấp tổ chức thi kiểm tra trình độ và công nhận đề xét thực hiện chính sách.

3. Đối với những giáo viên mẫu giáo không đủ tiêu chuẩn quy định trên thì giải quyết như sau :

Nếu không đủ sức khỏe thì kiên quyết cho đi chữa bệnh, chuyển sang lao động khác hoặc cho thôi việc.

Nếu giáo viên không đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, lý lịch không rõ ràng, hoặc giáo viên không đủ tiêu chuẩn về văn hóa nghiệp vụ, không đủ sức và điều kiện vươn lên, thì không tuyển dụng và không được dạy mẫu giáo.

Đối với giáo viên mẫu giáo dạy lâu năm, già yếu không đủ sức khỏe để tiếp tục công tác sẽ được quy định trong một thông tư riêng.

**B.** Riêng đối với mẫu giáo nông thôn, các Sở, Ty giáo dục, phòng giáo dục huyện cần kết hợp chặt chẽ với các cấp quản lý nông nghiệp để có kế hoạch thông báo những chế độ, chính sách đã quy định đối với giáo viên mẫu giáo ở đại hội xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

**C.** Thời gian được công nhận chính thức tuyển vào biên chế Nhà nước đối với các đối tượng đạt tiêu chuẩn, được tính từ ngày 8 tháng 4 năm 1976 (ngày Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 152-TTg).

Đối với những giáo viên được tuyển vào biên chế và đối với những giáo viên chưa đủ tiêu chuẩn vào biên chế ở thành phố, thị xã, công, nông, lâm trường, cơ quan, xí nghiệp được hưởng tiền lương (hoặc thù lao) bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 1976 (tháng đầu của năm học mới). Số tiền lương và phụ cấp được truy lĩnh tính vào ngân sách địa phương 1977.

Đối với giáo viên ở thị trấn và nông thôn hưởng thù lao trả bằng tiền hoặc bằng công diêm được hưởng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1977.

Trong quá trình thi hành thông tư này, nếu có khó khăn các địa phương phản ánh kịp thời cho liên bộ biết để có biện pháp giải quyết.

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 1977

K.T. Bộ trưởng

Bộ Giáo dục

Thủ trưởng

HỒ TRÚC

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

ĐÀO THIỆN

Thủ trưởng

THI

TRẦN QUỐC MẠNH

## GIAO DỤC - TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ** liên bộ số 8-TT/LB ngày 21-5-1977 hướng dẫn thi hành quyết định số 152-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung chế độ, chính sách đối với giáo viên vỡ lòng.

Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 152-TTg ngày 8-4-1976 : cho chuyển các lớp vỡ lòng vào hệ giáo dục phổ thông cấp I. Các giáo viên dạy vỡ lòng có đủ tiêu chuẩn, được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước và được hưởng lương theo thang lương và mọi quyền lợi khác như giáo viên phổ thông cấp I. Những giáo viên vỡ lòng trong khi chưa đủ tiêu chuẩn, thì được hưởng thù lao hàng tháng bằng 85% bậc lương khởi diêm của giáo viên phổ thông cấp I và mọi quyền lợi khác như giáo viên phổ thông cấp I.

Ngành giáo dục có nhiệm vụ quản lý toàn diện về công tác cán bộ, về biên chế, về quỹ tiền lương... của giáo viên vỡ lòng ở các địa bàn nông thôn, thị trấn, thành phố, thị xã, cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường và lâm trường.

Đề thi hành quyết định nói trên, được sự thỏa thuận của Bộ Lao động (tại công văn số 339-

www.TuuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3945 6684  
96664660